

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2022
V/v: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoàng Diễm

Bà Lê Hải Vân

-Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Sơn-Thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân thụ lý số: 395/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Cao Thiên P, sinh năm 1995(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1994 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(chị P, anh T có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt chị Cao Thiên P trình bày:

Chị và anh T sống chung cuối năm 2013, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2021. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian dần về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã động viên nhưng không có kết quả. Nay chị không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị bận công việc, chị yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt chị trong các phiên giải quyết, chị vẫn giữ ý kiến như trong đơn khởi kiện của chị.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh chung sống với chị T năm 2013, năm 2021 mới đăng ký kết hôn tại uỷ ban xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng năm 2020 anh có lỗi với chị P là chơi cờ bạc nên chị P và anh có xảy ra mâu thuẫn. Chị P bỏ nhà đi và ly thân với anh đã 6 tháng. Chị P có hứa cho anh một năm sửa đổi, nhưng nay chị P đòi ý yêu cầu ly hôn. Anh cố gắng tìm chị P hàn gắn tình cảm nhưng chị P không chịu gặp mặt anh. Chị P kiên quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Do anh bận đi làm, anh yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt anh trong những phiên công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Chị P và anh T tự nguyện chung sống năm 2013, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2021. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Cao Thiên P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/9/2021 chị P có đơn yêu giải quyết vắng mặt chị trong các phiên công khai chứng cứ hoà giải và xét xử. Ngày 06/01/2022 anh T cũng có yêu cầu giải quyết vắng mặt anh trong các phiên công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị P, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế chị P và anh T đã sống ly thân nhau. Trong khoảng thời gian sống ly thân chị P và anh T có thể suy nghĩ và bàn bạc phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh chị vẫn không làm được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh T đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị P kiên quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Tòa án không thể tiến hành hoà giải. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thiên P.

[5] Về con chung: chị P và anh T trình bày không có con chung

[6] Về tài sản chung: chị P và anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: chị P và anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

[8] Ghi nhận chị Cao Thiên P và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[9] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thiên P đối với anh Nguyễn Minh T.

Về hôn nhân: chị Cao Thiên P được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: chị P và anh T trình bày không có con chung.

Về tài sản chung: chị P và anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: chị P và anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị P phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000986 ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Hữu Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh